

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC VĨNH LONG
(Sửa đổi, bổ sung lần thứ 3)

Vĩnh Long, ngày 22 tháng 8 năm 2015

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC VĨNH LONG
(Sửa đổi, bổ sung lần thứ 3)

Vĩnh Long, ngày 22 tháng 8 năm 2015

ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC VINH LONG
(Sửa đổi, bổ sung lần thứ 3)

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này của Công ty Cổ phần Địa ốc Vinh Long (dưới đây gọi là "Công ty") là cơ sở pháp lý cho doanh nghiệp, là Công ty cổ phần, được thành lập theo Luật Doanh nghiệp và theo Quyết định số 1632/QĐ.UB ngày 09/6/2004 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vinh Long. *V/v: Phê duyệt phương án và chuyển Công ty Xây dựng và Phát triển nhà Vinh Long thành Công ty Cổ phần Địa ốc Vinh Long.* Điều lệ, các quy định của công ty, các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị nếu đã được thông qua một cách hợp lệ phù hợp với luật pháp liên quan sẽ là những quy tắc và quy định ràng buộc để tiến hành hoạt động kinh doanh của công ty.

Điều lệ này được thông qua bởi công ty và cổ đông của công ty theo nghị quyết được thông qua hợp lệ tại Đại hội đồng cổ đông tổ chức chính thức vào ngày 24 tháng 8 năm 2004, được sửa đổi, bổ sung lần thứ 1 tại Đại hội đồng cổ đông lần thứ VI ngày 27 tháng 6 năm 2008, được sửa đổi, bổ sung lần thứ 2 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 và được sửa đổi, bổ sung lần thứ 3 tại Đại hội đồng cổ đông nhiệm kỳ 2015-2019.

Chương I
ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Định nghĩa.

1. Trừ trường hợp các điều khoản hoặc ngữ cảnh của Điều lệ này quy định khác, những thuật ngữ sau đây sẽ có nghĩa như được quy định dưới đây:

- a. "*Hội đồng*" có nghĩa là Hội đồng quản trị của công ty.
- b. "*Địa bàn kinh doanh*" có nghĩa là lãnh thổ Việt Nam và nước ngoài.
- c. "*Vốn điều lệ*" có nghĩa là vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và quy định tại điều 6 Điều lệ này.
- d. "*Luật Doanh nghiệp*" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014.
- e. "*Ngày thành lập*" có nghĩa là ngày mà công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
- f. "*Pháp luật*" là tất cả các văn bản quy phạm pháp luật của nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.
- g. "*Cán bộ quản lý*" có nghĩa là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những người được Hội đồng quản trị chỉ định làm cán bộ quản lý của công ty.
- h. "*Những người liên quan*" có nghĩa là bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào được quy định trong Điều 4 (17) Luật Doanh nghiệp.
- i. "*Cổ đông*" là người sở hữu ít nhất một cổ phần đã phát hành của công ty cổ phần.

j. "**Cổ phiếu**" là chứng chỉ do công ty cổ phần phát hành xác nhận quyền sở hữu của một hoặc một số cổ phần của cổ đông đóng góp trong công ty.

k. "**Cổ tức**" là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của công ty sau khi đã thực hiện nghĩa vụ về tài chính.

m. "**Vốn góp**" là việc đưa tài sản vào công ty để trở thành chủ sở hữu của công ty hoặc các chủ sở hữu chung của công ty. Tài sản góp vốn có thể là tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng, giá trị quyền sử dụng đất, giá trị quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật, các tài sản khác ghi trong Điều lệ công ty do thành viên góp để tạo thành vốn của công ty.

n. "**Phân vốn góp**" là tỉ lệ vốn mà chủ sở hữu hoặc chủ sở hữu chung của công ty góp vào vốn điều lệ.

o. "**Thời hạn**" có nghĩa là thời hạn ban đầu của công ty như được quy định tại điều 2 của Điều lệ này và mọi thời gian gia hạn được thông qua bằng một nghị quyết hoặc quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

p. "**Việt Nam**" có nghĩa là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

2. Trong Điều lệ này, bất kỳ một tham chiếu nào tới bất kỳ một điều khoản hoặc văn bản nào sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế của chúng.

3. Các tiêu đề được đưa vào chỉ để tiện theo dõi và không ảnh hưởng tới ý nghĩa của Điều lệ này.

4. Các từ ngữ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

Chương II

TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của công ty.

1. Tên hợp pháp của công ty bằng tiếng Việt là:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC VINH LONG.

- Tên đăng ký hợp pháp của công ty bằng tiếng Anh là:

VINH LONG REAL ESTATE JOINT STOCK COMPANY.

- Tên viết tắt của Công ty là : **VIRESCO.**

- LOGO: Do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

2. Công ty là một công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của công ty là:

- Địa chỉ: Số 91 - 93 đường Phạm Thái Bường, Phường 4, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

- Điện thoại: 0703 823 759.
- Fax: 0703.833 285.
- Email: cophandiaocvl@vnn.vn
- Website: www.diaocvinhlong.info

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị là đại diện theo pháp luật của công ty.

5. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu của công ty phù hợp với nghị quyết hoặc quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

6. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Điều 44 hoặc gia hạn theo Điều 45 của Điều lệ này. Thời hạn của công ty sẽ bắt đầu từ ngày thành lập và là 99 năm.

Chương III

MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 3. Mục tiêu của công ty.

1. Lĩnh vực kinh doanh của công ty là:

- Kinh doanh nhà ở;
- Kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê, môi giới bất động sản, dịch vụ nhà đất, định giá bất động sản;
- Kinh doanh Sàn Giao dịch bất động sản;
- Kinh doanh hàng vật liệu xây dựng và hàng trang trí nội thất;
- Sản xuất, mua bán các mặt hàng phục vụ cho thi công xây lắp công trình: Bê tông đúc sẵn, cột bê tông, cọc bê tông cốt thép; các sản phẩm kim loại cho xây dựng và kiến trúc;
- San lấp mặt bằng;
- Xây dựng công trình dân dụng: Nhà ở, phi nhà ở; công trình văn hóa, thể thao, thương mại, y tế; xây dựng công sở;
- Xây dựng công trình kỹ thuật: Giao thông cầu đường, thủy lợi, cấp thoát nước, hệ thống điện...;
- Xây dựng công trình kỹ thuật khác: Kết cấu công trình; lắp đặt, tháo dỡ các kết cấu phục vụ thi công, đổ và hoàn thiện bê tông;
- Hoàn thiện, lắp đặt trang thiết bị cho các công trình xây dựng;
- Đầu tư xây dựng, kinh doanh kết cấu hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp; khu nhà ở và khu dân cư tập trung;
- Thiết kế và dự toán các loại công trình: Công trình dân dụng (nhà ở và các công trình công cộng); công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghiệp cao; công trình công nghiệp (nhà, xưởng sản xuất, công trình phụ trợ; nhà kho; công trình kỹ thuật phụ thuộc); công trình nông nghiệp (trại chăn nuôi, trạm nông nghiệp, trạm chế biến nông sản).
- Tư vấn xây dựng: Lập dự án đầu tư, tư vấn đấu thầu, giám sát thi công các công trình xây dựng thuộc chuyên ngành dân dụng, công nghiệp và giao thông;
- Dịch vụ hỗ trợ xây dựng.
- Có thể mở rộng hoặc thay đổi lĩnh vực kinh doanh tùy theo Đại hội đồng cổ đông quyết định.

2. Mục tiêu của Công ty là:

Công ty được thành lập để huy động và sử dụng vốn có hiệu quả trong việc phát triển kinh doanh về nhà ở, xây lắp công trình và các lĩnh vực khác theo ngành nghề kinh doanh (khoản 1 của Điều này) nhằm mục tiêu thu lợi nhuận; thực hiện phát triển nhà ở theo định hướng chương trình mục tiêu của Tỉnh; tạo việc làm ổn định cho người lao động; tăng lợi tức cho các cổ đông; đóng góp cho ngân sách nhà nước và phát triển công ty.

Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động.

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo quy định của Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Điều lệ này phù hợp với quy định của pháp luật và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được mục tiêu của công ty.

2. Công ty có thể tiến hành những hình thức kinh doanh khác được pháp luật cho phép mà Hội đồng quản trị xét thấy có lợi nhất cho công ty.

Điều 5. Tổ chức Đảng cộng sản Việt Nam và các tổ chức chính trị khác.

1. Tổ chức Đảng cộng sản Việt Nam, Công đoàn, Đoàn Thanh niên và các tổ chức chính trị - xã hội khác trong công ty hoạt động theo Hiến pháp, Pháp luật của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và Điều lệ của tổ chức đó.

2. Công ty tôn trọng và có trách nhiệm tạo điều kiện để các tổ chức trên hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ, điều lệ của mình. Đảm bảo mục tiêu hiệu quả sản xuất kinh doanh và định hướng Xã hội Chủ nghĩa.

Chương IV VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn Điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập.

1. Tất cả các cổ phần do công ty phát hành đều là cổ phần phổ thông, kể cả các cổ phần do nhà nước nắm giữ. Các quyền và nghĩa vụ kèm theo được quy định tại Điều 11, 12 của Điều lệ này.

2. Vào ngày thông qua Điều lệ sửa đổi bổ sung này, vốn Điều lệ của công ty là:

26.535.500.000 VNĐ (Hai mươi sáu tỷ, năm trăm ba mươi lăm triệu, năm trăm ngàn đồng).

Được chia thành 265.355 cổ phần với mệnh giá là 100.000 VNĐ/Cổ phần.

3. Công ty chỉ có thể tăng vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua phù hợp với các quy định của pháp luật.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Công ty có thể phát hành cổ phần với giá trả góp thành nhiều đợt. Kỳ đến hạn trả góp và số tiền trả định kỳ phải được xác định tại thời điểm phát hành cổ phần.

6. Cổ phần phổ thông mới dự kiến được phát hành sẽ được ưu tiên chào bán cho các cổ đông theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông trong công ty. Công ty phải thông báo việc chào bán, trong đó nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn không ít

hơn 21 ngày, để cổ đông đặt mua. Mọi cổ phần không được cổ đông đặt mua hết chịu sự kiểm soát của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể phân phối các cổ phần đó cho các đối tượng, theo điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, với điều kiện là các cổ phần đó không được bán theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông, trừ khi các cổ đông chấp thuận khác hoặc trong những trường hợp cổ phần được bán qua Trung tâm giao dịch chứng khoán.

7. Công ty có thể mua cổ phần của chính mình (kể cả cổ phần hoàn lại) theo những cách thức được quy định trong Luật Doanh nghiệp và các Luật liên quan phù hợp với các thẩm quyền mà Đại hội đồng cổ đông đã cho phép theo quy định trong Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp. Cổ phần do công ty mua lại được giữ làm cổ phần ngân quỹ và có thể được Hội đồng quản trị chào bán theo hình thức được Đại hội đồng cổ đông cho phép và phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

8. Công ty có thể phát hành trái phiếu có bảo đảm và không có bảo đảm, và khi có phê chuẩn của Đại hội đồng cổ đông, có thể phát hành trái phiếu có thể chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền đặt mua, cho phép người nắm giữ chứng quyền được mua cổ phần phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 7. Chứng chỉ cổ phiếu.

1. Mọi cổ đông đều có quyền được cấp một chứng chỉ cổ phiếu nhất định. Công ty sẽ phát hành 2 loại cổ phiếu: cổ phiếu ghi danh và cổ phiếu không ghi danh. Cổ phiếu ghi danh dùng cho cổ đông là thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, cổ đông là Nhà nước, cổ đông sáng lập và dùng cho cổ phần mua theo giá ưu đãi. Cổ phiếu không ghi danh dùng cho các cổ đông phổ thông còn lại của công ty.

2. Mọi chứng chỉ cổ phiếu phát hành phải được đóng dấu công ty và có chữ ký của đại diện theo pháp luật của công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. Chứng chỉ này nêu rõ số lượng và loại cổ phần có liên quan, số tiền đã thanh toán, họ và tên người nắm giữ (nếu là cổ phiếu ghi danh) và các thông tin khác mà Luật Doanh nghiệp quy định. Một chứng chỉ cổ phiếu ghi danh chỉ được đại diện cho một loại cổ phần.

3. Theo các quy định của Điều lệ này, bất kỳ người nào có ghi tên trong sổ đăng ký cổ đông liên quan đến một cổ phần thuộc bất kỳ loại nào sẽ được cấp miễn phí một chứng chỉ (trong trường hợp phát hành) trong vòng hai tháng sau khi mua hoặc chuyển nhượng.

4. Trường hợp chỉ chuyển nhượng một số cổ phần ghi danh trong một chứng chỉ cổ phiếu ghi danh thì chứng chỉ cũ sẽ bị hủy bỏ và một chứng chỉ mới ghi nhận số cổ phần còn lại sẽ được cấp miễn phí.

5. Nếu một chứng chỉ cổ phiếu ghi danh bị hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu hủy thì một chứng chỉ cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần tương ứng sẽ được cấp cho người nắm giữ theo yêu cầu của người đó với điều kiện phải xuất trình giấy tờ chứng minh và thanh toán mọi chi phí liên quan cho công ty.

6. Người sở hữu chứng chỉ cổ phiếu không ghi danh phải chịu trách nhiệm độc lập về việc bảo quản chứng chỉ và công ty sẽ không chịu trách nhiệm trong mọi trường hợp những chứng chỉ này bị mất cắp hoặc sử dụng với mục đích lừa đảo.

7. Chứng chỉ cổ phiếu của công ty được phát hành theo mẫu của Bộ Tài chính.

hơn 21 ngày, để cổ đông đặt mua. Mọi cổ phần không được cổ đông đặt mua hết chịu sự kiểm soát của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể phân phối các cổ phần đó cho các đối tượng, theo điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, với điều kiện là các cổ phần đó không được bán theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông, trừ khi các cổ đông chấp thuận khác hoặc trong những trường hợp cổ phần được bán qua Trung tâm giao dịch chứng khoán.

7. Công ty có thể mua cổ phần của chính mình (kể cả cổ phần hoàn lại) theo những cách thức được quy định trong Luật Doanh nghiệp và các Luật liên quan phù hợp với các thẩm quyền mà Đại hội đồng cổ đông đã cho phép theo quy định trong Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp. Cổ phần do công ty mua lại được giữ làm cổ phần ngân quỹ và có thể được Hội đồng quản trị chào bán theo hình thức được Đại hội đồng cổ đông cho phép và phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

8. Công ty có thể phát hành trái phiếu có bảo đảm và không có bảo đảm, và khi có phê chuẩn của Đại hội đồng cổ đông, có thể phát hành trái phiếu có thể chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền đặt mua, cho phép người nắm giữ chứng quyền được mua cổ phần phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 7. Chứng chỉ cổ phiếu.

1. Mọi cổ đông đều có quyền được cấp một chứng chỉ cổ phiếu nhất định. Công ty sẽ phát hành 2 loại cổ phiếu: cổ phiếu ghi danh và cổ phiếu không ghi danh. Cổ phiếu ghi danh dùng cho cổ đông là thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, cổ đông là Nhà nước, cổ đông sáng lập và dùng cho cổ phần mua theo giá ưu đãi. Cổ phiếu không ghi danh dùng cho các cổ đông phổ thông còn lại của công ty.

2. Mọi chứng chỉ cổ phiếu phát hành phải được đóng dấu công ty và có chữ ký của đại diện theo pháp luật của công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. Chứng chỉ này nêu rõ số lượng và loại cổ phần có liên quan, số tiền đã thanh toán, họ và tên người nắm giữ (nếu là cổ phiếu ghi danh) và các thông tin khác mà Luật Doanh nghiệp quy định. Một chứng chỉ cổ phiếu ghi danh chỉ được đại diện cho một loại cổ phần.

3. Theo các quy định của Điều lệ này, bất kỳ người nào có ghi tên trong sổ đăng ký cổ đông liên quan đến một cổ phần thuộc bất kỳ loại nào sẽ được cấp miễn phí một chứng chỉ (trong trường hợp phát hành) trong vòng hai tháng sau khi mua hoặc chuyển nhượng.

4. Trường hợp chỉ chuyển nhượng một số cổ phần ghi danh trong một chứng chỉ cổ phiếu ghi danh thì chứng chỉ cũ sẽ bị hủy bỏ và một chứng chỉ mới ghi nhận số cổ phần còn lại sẽ được cấp miễn phí.

5. Nếu một chứng chỉ cổ phiếu ghi danh bị hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu hủy thì một chứng chỉ cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần tương ứng sẽ được cấp cho người nắm giữ theo yêu cầu của người đó với điều kiện phải xuất trình giấy tờ chứng minh và thanh toán mọi chi phí liên quan cho công ty.

6. Người sở hữu chứng chỉ cổ phiếu không ghi danh phải chịu trách nhiệm độc lập về việc bảo quản chứng chỉ và công ty sẽ không chịu trách nhiệm trong mọi trường hợp những chứng chỉ này bị mất cắp hoặc sử dụng với mục đích lừa đảo.

7. Chứng chỉ cổ phiếu của công ty được phát hành theo mẫu của Bộ Tài chính.

g. Yêu cầu công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định trong Điều 129.1 của Luật Doanh nghiệp;

h. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.

3. Một cổ đông hoặc một nhóm cổ đông nắm giữ trên 10% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục từ 6 tháng trở lên, có các quyền sau:

a. Đề cử các thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tại các Điều 21.3 và 32.2 tương ứng;

b. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông;

c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại Đại hội đồng cổ đông;

d. Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này;

e. Yêu cầu Ban Kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra.

4. Cổ đông phổ thông sáng lập:

Là những cổ đông có đủ các điều kiện sau: Tham gia thông qua Điều lệ tổ chức và hoạt động lần đầu của công ty; nhóm cổ đông cùng nhau nắm giữ ít nhất 20% vốn điều lệ và mỗi cổ đông trong nhóm nắm giữ ít nhất 5% vốn điều lệ trở lên.

Điều 12. Nghĩa vụ của các cổ đông.

1. Các cổ đông có các nghĩa vụ sau:

a. Tuân thủ Điều lệ công ty và các quy chế, các quyết định của Hội đồng quản trị và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

b. Thanh toán tiền mua cổ phần theo số lượng cổ phần đã đăng ký mua theo đúng thủ tục quy định;

c. Hoàn thành các nghĩa vụ khác do luật pháp quy định.

2. Nhà nước thực hiện quyền sở hữu cổ phần phổ thông thông qua người đại diện quản lý phần góp vốn của nhà nước. Ngoài các nghĩa vụ như cổ đông phổ thông, người trực tiếp quản lý phần vốn góp của nhà nước còn có các nghĩa vụ theo các văn bản quy định của nhà nước hiện hành.

Điều 13. Những hạn chế đối với các cổ đông.

1. Đối với các cổ đông mua cổ phần ưu đãi giảm giá, ưu đãi trả chậm theo khoản 1, 2 Điều 27 Nghị định 64/2002/NĐ-CP của Chính phủ có những hạn chế sau:

a. Cổ đông là người mua trả chậm không được bán, cầm cố hay chuyển nhượng cổ phần cho đến khi trả xong toàn bộ tiền mua cổ phần đó.

b. Trong thời gian 3 năm đầu, kể từ ngày công ty chính thức hoạt động, các cổ phiếu chuyển nhượng được ưu tiên chào bán cho các cổ đông là thành viên sáng lập, là thành viên Hội đồng quản trị, là các cổ đông khác trong công ty và chỉ có thể chuyển nhượng cho người không phải là cổ đông nếu được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị.

2. Đối với cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập có những hạn chế sau:

a. Trong 3 năm đầu, kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các cổ đông sáng lập phải cùng nhau nắm giữ ít nhất 20% vốn điều lệ, cổ phần cổ đông sáng lập có thể chuyển nhượng cho người không là cổ đông nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Cổ đông dự định chuyển nhượng cổ phần không có quyền biểu quyết về việc chuyển nhượng các cổ phần đó.

b. Sau thời hạn 3 năm quy định tại khoản 2a của Điều này, các hạn chế đối với cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập đều bãi bỏ.

3. Đối với cổ đông là thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát không được bán, cầm cố hay chuyển nhượng cổ phần. Hạn chế này hết hiệu lực sau 2 năm kể từ khi thôi làm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp đặc biệt cần chuyển nhượng cổ phần này trước thời hạn trên thì phải được Hội đồng quản trị chấp thuận.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông.

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của công ty và tất cả các cổ đông có quyền bỏ phiếu đều được tham dự. Đại hội đồng cổ đông bao gồm: Đại hội đồng cổ đông thành lập công ty, Đại hội đồng cổ đông thường niên, Đại hội đồng cổ đông bất thường.

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần do Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập trong thời hạn bốn tháng, kể từ ngày kết thúc niên độ tài chính và tổ chức tại một địa điểm ở thành phố Vĩnh Long. (Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không quá sáu tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính). Tất cả cổ đông đều có quyền tham dự. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề được Luật pháp và Điều lệ này quy định. Đặc biệt, các cổ đông sẽ thông qua các báo cáo tài chính hàng năm của công ty và kế hoạch tài chính cho năm tài chính tiếp theo.

2. Đại hội đồng cổ đông bất thường được Hội đồng quản trị triệu tập trong các trường hợp sau:

a. Hội đồng quản trị xét thấy rất cần thiết vì lợi ích của công ty;

b. Bảng cân đối kế toán hàng năm, các báo cáo quý hoặc sáu tháng hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính cho thấy vốn điều lệ đã bị mất một nửa.

c. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với quy định trong điều lệ;

d. Một cổ đông hoặc một nhóm cổ đông quy định tại Điều 11.3 của Điều lệ này yêu cầu triệu tập đại hội bằng một văn bản kiến nghị nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có chữ ký của các cổ đông liên quan;

e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp, nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban quản lý công ty vi phạm nghiêm trọng

các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 của Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình.

3. Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông:

a. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập một cuộc họp cổ đông trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu nêu tại điểm 2d hoặc 2e trên đây;

b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập cuộc họp nêu trên thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập cuộc họp các cổ đông;

c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập cuộc họp, những cổ đông hoặc một nhóm cổ đông có yêu cầu nêu tại khoản 2d của điều này có thể triệu tập cuộc họp các cổ đông;

d. Tất cả các chi phí triệu tập và tiến hành một cuộc họp các cổ đông sẽ do công ty trả. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông.

1. Đại hội đồng cổ đông thành lập công ty thực hiện các nhiệm vụ sau:

- a. Tiến hành các thủ tục thành lập công ty;
- b. Kiểm tra tư cách các cổ đông, xác định cổ đông sáng lập;
- c. Thảo luận và thông qua bản Điều lệ;
- d. Bầu Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- e. Thông qua phương án sản xuất kinh doanh;
- f. Quyết định bộ máy tổ chức quản lý của công ty;
- g. Chuyển giao Doanh nghiệp nhà nước sang công ty cổ phần.

2. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

- a. Báo cáo tài chính hàng năm;
- b. Báo cáo của Ban kiểm soát về tình hình công ty;
- c. Báo cáo của Hội đồng quản trị;
- d. Báo cáo của các kiểm toán viên;
- e. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của công ty.

3. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường có quyền ra các quyết định bằng cách thông qua nghị quyết về các vấn đề sau:

- a. Phê chuẩn các báo cáo tài chính hàng năm;
- b. Mức cổ tức được thanh toán hàng năm cho mỗi cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó với điều kiện là mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;

c. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;

- d. Lựa chọn công ty kiểm toán;
 - e. Bầu, bãi miễn, thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, phê chuẩn việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc;
 - f. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;
 - g. Bổ sung và sửa đổi điều lệ;
 - h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần, việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 3 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
 - i. Sáp nhập hoặc chuyển đổi công ty;
 - j. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) công ty và chỉ định người thanh lý.
 - k. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho công ty và các cổ đông của công ty;
 - l. Quyết định đầu tư hoặc bán tài sản công ty có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;
 - m. Công ty mua hoặc mua lại hơn 10% cổ phần thuộc bất kỳ loại nào đang phát hành;
 - n. Việc Tổng giám đốc đồng thời làm Chủ tịch Hội đồng quản trị;
 - o. Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Điều 162.1 của Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty.
4. Cổ đông không được bỏ phiếu cho bất kỳ một nghị quyết nào để thông qua:
- a. Các hợp đồng quy định tại Điều 15.3 nếu cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;
 - b. Việc mua cổ phần của cổ đông đó hoặc của bất kỳ người nào có liên quan tới cổ đông đó.
5. Đại hội đồng cổ đông phải thảo luận và biểu quyết đối với các nghị quyết về các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp.

Điều 16. Các đại diện được ủy quyền.

- 1. Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo luật pháp có thể trực tiếp hoặc ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Đại diện được ủy quyền không nhất thiết phải là cổ đông.
- 2. Việc chỉ định đại diện được ủy quyền phải được lập bằng văn bản theo mẫu chung mà Hội đồng quản trị chấp thuận:
 - a. Trường hợp là cá nhân thì phải được ký bởi người ủy quyền;
 - b. Trường hợp là tổ chức thì phải được ký bởi người ủy quyền hợp lệ của tổ chức đó và đóng dấu.
- 3. Trường hợp văn bản chỉ định đại diện được ủy quyền được một luật sư ký thay mặt cho người ủy quyền thì thư ủy quyền cho luật sư hoặc bản sao có xác nhận hợp lệ của

thư ủy quyền đó phải được (nếu trước đó chưa đăng ký với công ty) nộp cùng với đơn chỉ định đại diện được ủy quyền. Nếu điều này không được thực hiện thì việc chỉ định ủy quyền sẽ bị coi là không có hiệu lực.

4. Lá phiếu bầu của đại diện được ủy quyền trong phạm vi được ủy quyền sẽ có hiệu lực ngay cả khi cổ đông chỉ định đại diện ủy quyền đó đã:

- a. Chết hoặc không có khả năng tự chủ hành vi của mình;
- b. Hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
- c. Hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Tuy nhiên, điều này sẽ không áp dụng nếu công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên 48 giờ trước cuộc họp hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền.

1. Với sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông như được quy định tại Điều 15.3, khi vốn cổ phần của công ty được chia thành các loại cổ phần khác nhau thì theo Luật Doanh nghiệp, các quyền đặc biệt gắn liền với từng loại có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ với sự nhất trí bằng văn bản của những người nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của các cổ phần đã phát hành của loại đó hoặc với nghị quyết được thông qua bởi những người nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của tất cả các cổ đông có mặt tại một cuộc họp của riêng những người nắm giữ loại cổ phần đó.

2. Số lượng đại biểu cần thiết để tổ chức một cuộc họp như vậy ít nhất là hai cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) nắm giữ ít nhất một phần ba giá trị mệnh giá của các cổ đông phân loại đó đã phát hành (nhưng tại cuộc họp không có đủ số đại biểu như trên thì cuộc họp sẽ được tổ chức lại trong vòng 30 ngày sau đó và bất kỳ một người nào nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu). Cũng tại cuộc họp riêng biệt nêu trên, bất kỳ người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện đều có thể yêu cầu bỏ phiếu kín và mỗi người khi bỏ phiếu kín đều có một lá phiếu cho mỗi cổ phần sở hữu thuộc loại đó.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19 và 20.

4. Trừ khi các điều khoản về phát hành cổ phần được quy định khác đi, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi trong một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến chia sẻ lợi nhuận hoặc tài sản của công ty sẽ không bị thay đổi khi công ty phát hành thêm các cổ phần cùng hạng.

Điều 18. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông.

1. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:

- a. Chuẩn bị một danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội trong vòng 30 ngày trước ngày bắt đầu tiến hành Đại hội đồng cổ đông; chương trình họp, các tài liệu phù hợp với luật pháp và các quy định của công ty;
- b. Xác định thời gian và địa điểm Đại hội;
- c. Thông báo cho tất cả các cổ đông về Đại hội và gửi thông báo Đại hội cho họ.

2. Thông báo Đại hội đồng cổ đông phải bao gồm chương trình họp và các vấn đề sẽ được thảo luận và biểu quyết tại đại hội. Thông báo về Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi cho cổ đông bằng cách chuyển tận tay hoặc gửi qua bưu điện tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông. Thông báo phải được gửi ít nhất 7 ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Điều 11.3 của Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho công ty ít nhất 3 ngày trước khi bắt đầu họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.

4. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến khoản 4 của Điều này nếu:

- a. Đề xuất không giới hạn thời hạn;
- b. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 10% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục từ 6 tháng trở lên;
- c. Đề xuất không chứa đựng những thông tin cần thiết;
- d. Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bàn bạc và thông qua các nghị quyết.

5. Đối với từng vấn đề trong chương trình họp, Hội đồng quản trị phải chuẩn bị dự thảo một nghị quyết.

6. Nếu tất cả cổ đông có quyền biểu quyết hiện diện trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền tại Đại hội đồng cổ đông thì những nghị quyết được Đại hội nhất trí thông qua đều là hợp lệ ngay cả khi Đại hội đồng cổ đông không được triệu tập một cách phù hợp hoặc nội dung họp không được đưa vào chương trình một cách hợp lý.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông và lập biên bản Đại hội đồng cổ đông.

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị hoặc một ủy viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trường Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp. Người chủ tọa Đại hội đề cử thư ký để lập biên bản đại hội.

2. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông qua bởi từ 51% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.

3. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phần và số lượng cổ phần được chào bán, tổ chức lại, giải thể công ty, thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty; đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty phải được thông qua bởi từ 65% trở lên tổng số

phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.

4. Người chủ trì Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm lưu các biên bản và gửi cho tất cả các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát ngay khi Đại hội đồng cổ đông kết thúc. Các biên bản này được coi là những bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đó trừ khi có ý kiến phản đối được đưa một cách hợp lệ về nội dung biên bản trong vòng 10 ngày kể từ khi gửi những biên bản đó đi. Biên bản sẽ được lập bằng tiếng Việt, được chủ tọa Đại hội và thư ký ký xác nhận và được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và tại Điều lệ này. Các bản ghi chép, biên bản, sổ chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản ủy quyền tham dự phải được lưu giữ tại văn phòng công ty.

Các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Thời gian, địa điểm họp;
- b. Chương trình làm việc;
- c. Chủ tọa và thư ký;
- d. Tóm tắt các ý kiến phát biểu;
- e. Các vấn đề thảo luận và biểu quyết tại Đại hội, số phiếu chấp thuận, số phiếu phản đối và số phiếu trắng, các vấn đề đã được thông qua;
- f. Tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp;
- g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết;
- h. Họ, tên, chữ ký của Chủ tọa và Thư ký.

5. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng 30 phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc cuộc họp, Đại hội phải được triệu tập lại trong vòng 30 ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Trong Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại cần có số thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được ủy quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% cổ phần có quyền biểu quyết. Khi Đại hội lần thứ hai không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng 30 phút kể từ thời điểm ấn định cuộc họp, một Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng 20 ngày kể từ ngày dự định tiến hành Đại hội lần thứ hai và trong Đại hội lần này bất kỳ số lượng cổ đông hay đại diện ủy quyền nào tham dự cũng đều hợp lệ và đều có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất có thể phê chuẩn một cách hợp lệ.

6. Vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông, thủ tục đăng ký cổ đông phải được tiến hành và tiếp tục cho đến khi bảo đảm việc đăng ký đầy đủ tất cả các cổ đông có quyền dự họp.

7. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, công ty sẽ cấp cho mỗi cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Việc biểu quyết tại Đại hội sẽ được tiến hành bằng cách thu số thẻ tán thành một nghị quyết trước, thu số thẻ không tán thành nghị quyết sau đó, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay không tán thành để quyết định (hoặc có thể là hình thức giơ tay). Tổng số phiếu tán thành, không tán thành một vấn đề, sẽ được chủ tọa thông báo ngay sau khi việc

biểu quyết được tiến hành. Đại hội sẽ tự chọn trong số đại biểu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu và nếu Đại hội không chọn thì chủ tọa sẽ chọn những người đó.

8. Cổ đông đến Đại hội đồng cổ đông muốn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại Đại hội, nhưng chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội đó để cho họ đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành sẽ không bị ảnh hưởng.

9. Quyết định của chủ tọa về vấn đề trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông sẽ mang tính phán quyết cao nhất.

10. Không cần lấy ý kiến của Đại hội, bất cứ lúc nào chủ tọa Đại hội đồng cổ đông cũng có thể trì hoãn một đại hội đã có đủ số đại biểu cần thiết đến một thời điểm khác và tại một địa điểm do chủ tọa quyết định nếu nhận thấy rằng:

a. Các thành viên tham dự không thể có chỗ ngồi thuận tiện ở địa điểm tổ chức Đại hội.

b. Hành vi của những người có mặt cản trở hoặc có khả năng cản trở diễn biến có trật tự của cuộc họp.

c. Sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của Đại hội được tiến hành một cách hợp lệ.

11. Chủ tọa của Đại hội hoặc thư ký Đại hội có thể tiến hành hoạt động mà họ thấy cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự, hoặc để đại hội phản ánh được mong muốn của đa số tham dự.

12. Hội đồng quản trị có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền muốn tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh khác mà Hội đồng quản trị cho là thích hợp. Khi đã xem xét kỹ lưỡng, Hội đồng quản trị có thể từ chối không cho tham dự hoặc trục xuất một cổ đông đại diện được ủy quyền nào đó không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh này ra khỏi đại hội.

13. Hội đồng quản trị có thể tiến hành các biện pháp mà họ cho là thích hợp sau khi đã xem xét kỹ lưỡng để:

a. Điều chỉnh số người có mặt tại địa điểm chính họp Đại hội đồng cổ đông;

b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại địa điểm đó;

c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự Đại hội. (hoặc tiếp tục tham dự)

Hội đồng quản trị có thể thay đổi những biện pháp này vào bất kỳ lúc nào. Các biện pháp có thể bao gồm và không hạn chế việc cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

14. Trong trường hợp tại Đại hội đồng cổ đông có áp dụng biện pháp này, khi xác định địa điểm đại hội. Hội đồng quản trị có thể:

a. Thông báo rằng đại hội sẽ được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa Đại hội sẽ có mặt tại đó ("Địa điểm Đại hội chính");

b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm Đại

hội chính có thể đồng thời tham dự Đại hội.

Thông báo về việc tổ chức Đại hội không cần phải đưa ra chi tiết về những biện pháp tổ chức theo điều khoản này.

15. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác đi), mọi cổ đông sẽ được coi là tham gia ở địa điểm Đại hội chính.

Điều 20. Phê chuẩn các Nghị quyết thông qua hình thức gọi văn bản.

1. Các nghị quyết có thể được các cổ đông đại diện cho ít nhất 51% quyền biểu quyết thông qua bằng văn bản theo các thủ tục quy định tại Khoản 2 của Điều này.

2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm sau đây để các nghị quyết của cổ đông được thông qua bằng hình thức gọi văn bản:

a. Quyết định các vấn đề cần xem xét, hình thức và nội dung bỏ phiếu kín theo Điều lệ này và pháp luật;

b. Gửi phiếu bầu và tất cả các văn bản cần thiết cho tất cả các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông để các cổ đông này có thể ra quyết định có đầy đủ thông tin.

c. Quyết định kết quả bỏ phiếu và thông báo kết quả đó trong vòng 15 ngày sau ngày ghi trong lá phiếu mà vào ngày đó các lá phiếu sẽ được gửi trả lại.

3. Nghị quyết được thông qua hình thức gọi văn bản theo quy định tại Khoản 1 của Điều lệ này có giá trị tương đương các nghị quyết do Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Chương VII HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 21. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị.

1. Thành viên của Hội đồng quản trị có không ít hơn ba thành viên, không quá mười một thành viên. Số thành viên Hội đồng quản trị phải thường trú ở Việt Nam do Điều lệ công ty quy định. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế; việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu.

2. Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị mới được bầu và tiếp quản công việc.

Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị.

Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của công ty; có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác.

3. Cổ đông được đề cử vào Hội đồng quản trị phải hội đủ các điều kiện sau:

a. Mỗi cổ đông nắm giữ hơn 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong vòng từ 6 tháng liên tiếp trở lên, được quyền đề cử 1 ứng cử viên để bầu vào Hội đồng quản trị.

b. Những cổ đông nắm giữ ít hơn 10% cổ phần có quyền biểu quyết trong vòng 6

tháng liên tiếp trở lên có quyền góp số cổ phần có quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các thành viên của Hội đồng quản trị. Nếu các tổng số cổ phần có quyền biểu quyết mà họ nắm giữ chiếm trong khoảng từ 10% đến dưới 30% thì họ được quyền đề cử 1 thành viên để bầu vào Hội đồng quản trị, nếu chiếm từ 30% đến 50% thì họ được đề cử 2 thành viên, từ 50% đến 70% thì họ được đề cử 3 thành viên, trên 70% thì họ được đề cử 4 thành viên.

4. Cổ đông đề cử vào Hội đồng quản trị, thì người đó phải hội đủ các tiêu chuẩn sau:

a. Tốt nghiệp từ Trung học chuyên nghiệp trở lên, có kiến thức chuyên ngành và năng lực điều hành hoạt động của công ty;

b. Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt;

c. Đủ năng lực hành vi dân sự;

d. Không thuộc đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều 18 của Luật Doanh nghiệp.

5. Một thành viên Hội đồng quản trị sẽ không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

a. Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị.

b. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của công ty.

c. Thành viên đó bị ảnh hưởng của sự rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn có năng lực hành vi.

d. Thành viên đó không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong sáu tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.

e. Thành viên đó bị cách chức thành viên Hội đồng quản trị theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

f. Thời điểm chấm dứt tư cách thành viên Hội đồng quản trị công ty của Người đại diện vốn của SCIC: "Kể từ thời điểm chấm dứt tư cách theo quy định của cổ đông Nhà nước".

6. Trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với quy định tại Điều lệ công ty thì Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi ngày, kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.

7. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải thông báo trên Báo Vĩnh Long trong vòng 10 ngày kể từ sau khi bổ nhiệm.

Điều 22. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị.

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của công ty phải chịu sự quản lý hoặc chỉ đạo thực hiện của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.

Các thành viên Hội đồng quản trị không được chuyển nhượng cổ phần của công ty

do họ sở hữu trong suốt thời gian đương nhiệm trừ trường hợp được Hội đồng quản trị chấp thuận.

2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những người quản lý khác của công ty.

Hội đồng quản trị có nhiệm vụ như sau:

a. Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

b. Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu của công ty;

c. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc Điều lệ công ty;

d. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn quy định tại Điều lệ công ty, trừ hợp đồng và giao dịch quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều 135 và Khoản 3 Điều 162 của Luật Doanh nghiệp;

e. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của công ty.

f. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ công ty, quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác.

3. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, điều lệ, các quy chế nội bộ của công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:

a. Quyết định kế hoạch sản xuất kinh doanh và tài chính hàng năm;

b. Xác định các mục tiêu hoạt động và mục tiêu chiến lược trên cơ sở các mục đích chiến lược do Đại hội đồng cổ đông thông qua;

c. Bổ nhiệm và bãi miễn các cán bộ quản lý công ty theo đề nghị Tổng giám đốc điều hành và quyết định mức lương của họ;

d. Quyết định cơ cấu tổ chức của công ty;

e. Thực hiện các khiếu nại của công ty về cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của công ty trong các thủ tục pháp lý chống lại cán bộ quản lý đó;

f. Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;

g. Thực hiện việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo một giá xác định trước;

h. Quyết định giá bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi;

i. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Tổng giám đốc điều hành hay bất kỳ cán bộ quản lý hoặc người đại diện nào của công ty nếu Hội đồng quản trị cho rằng đó là vì lợi ích tối cao của công ty. Tuy nhiên, việc bãi nhiệm đó không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm, nếu có;

j. Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời, tổ chức việc chi trả cổ tức;

k. Đề xuất việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể công ty;

l. Thực hiện hoàn tất các thủ tục đối với cá nhân, tổ chức đã nhận chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp theo đúng quy định pháp luật.

4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:

a. Việc thành lập Chi nhánh hoặc các Văn phòng đại diện của công ty;

b. Việc thành lập các Xí nghiệp, Đội, Trung tâm trực thuộc công ty và các công ty con của công ty;

c. Trong phạm vi quy định tại Điều 149.2 của Luật doanh nghiệp, Hội đồng quản trị quyết định, tùy từng thời điểm, việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng lớn của công ty, trừ trường hợp quy định tại Điều 162.3 Luật Doanh nghiệp đều phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn;

d. Việc chỉ định và bãi nhiệm những người được công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại có thẩm quyền và luật sư của công ty;

e. Việc vay nợ và việc thực hiện mọi khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của công ty;

f. Các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh và tài chính vượt quá 10% giá trị kế hoạch và tài chính kinh doanh hàng năm;

g. Việc mua hoặc bán cổ phần của những công ty khác được thành lập ở trong nước hay nước ngoài;

h. Việc đánh giá các tài sản góp vào công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;

i. Việc công ty mua hoặc thu hồi không quá 10% cổ phần theo từng loại;

j. Bất kỳ vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch nào khác mà Hội đồng quản trị quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình;

k. Quyết định giá mua hoặc thu hồi cổ phần của công ty.

5. Hội đồng quản trị phải nộp báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng đối với Tổng giám đốc điều hành và những cán bộ quản lý khác trong năm tài chính. Nếu không có báo cáo của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính thường niên của công ty sẽ bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng thông qua.

6. Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho các cán bộ quản lý đại diện và hành động thay mặt cho công ty, thậm chí cả khi vấn đề đòi hỏi việc đánh giá và đưa ra kết luận, trừ khi luật pháp và điều lệ quy định khác.

7. Các thành viên Hội đồng quản trị được nhận thù lao cho công việc của họ với tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này sẽ được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng hoặc không thỏa thuận được thì chia đều.

8. Tổng số tiền trả thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị và số tiền mà mỗi thành viên được nhận phải được ghi chi tiết trong báo cáo thường niên của công ty.

9. Mọi thành viên nắm giữ bất kỳ một chức vụ điều hành nào (bao gồm cả chức vụ Chủ tịch hoặc Phó chủ tịch và không tính đến việc chức vụ đó có được nắm giữ trong một khuôn khổ mang tính chất điều hành hay không) hoặc thành viên làm việc tại các tiểu ban của hội đồng, hoặc thành viên thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

10. Các thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, kể cả mọi chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của Hội đồng hoặc Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Chủ tịch, Phó Chủ tịch và Thành viên Hội đồng quản trị.

1. Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên của mình để bầu ra một Chủ tịch và một Phó Chủ tịch. Chủ tịch hội đồng quản trị có thể kiêm Tổng giám đốc điều hành, trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 152 Luật Doanh nghiệp.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập và chủ tọa Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp khác của Hội đồng, đồng thời có những quyền và trách nhiệm khác quy định khác tại Điều lệ này và theo Luật Doanh nghiệp. Phó chủ tịch có các quyền và nghĩa vụ hành động với tư cách Chủ tịch nếu được Chủ tịch ủy quyền nhưng chỉ trong trường hợp Chủ tịch đã thông báo cho Hội đồng quản trị rằng mình vắng mặt hoặc phải vắng mặt vì những lý do bất khả kháng hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ của mình. Nếu Chủ tịch không chỉ định Phó chủ tịch hành động như vậy thì các thành viên còn lại của Hội đồng sẽ chỉ định Phó chủ tịch. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó chủ tịch tạm thời không thực hiện nhiệm vụ của họ vì bất kỳ lý do nào đó thì Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm một người khác trong số họ để thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải gửi báo cáo tài chính thường niên, báo cáo về tình hình chung của công ty, báo cáo kiểm toán của kiểm toán viên và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.

4. Khi Chủ tịch và Phó chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bãi miễn vì bất cứ lý do nào thì Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày.

Điều 24. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị.

1. *Các cuộc họp thường kỳ:* Chủ tịch của Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp của Hội đồng quản trị, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất 7 ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một lần.

2. *Các cuộc họp bất thường:* Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị mà không được có bất kỳ sự trì hoãn bất hợp lý nào khi một trong số các đối tượng sau đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn :

a. Tổng Giám đốc điều hành hoặc ít nhất năm cán bộ quản lý;

- b. Ít nhất hai thành viên Hội đồng quản trị;
- c. Chủ tịch hội đồng quản trị;
- d. Đa số thành viên trong Ban kiểm soát.

3. Cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được tiến hành trong vòng bảy ngày làm việc sau khi đề xuất họp. Nếu Chủ tịch không chấp nhận triệu tập cuộc họp, những người mong muốn tổ chức cuộc họp được đề cập đến khoản 2 Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

4. Theo yêu cầu của kiểm toán, Chủ tịch hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình công ty.

5. **Địa điểm họp:** Các cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ được tiến hành ở địa điểm theo quyết định của Chủ tịch và sự nhất trí của Hội đồng quản trị.

6. **Thông báo và Chương trình họp:** Các cuộc họp phải được tiến hành trên cơ sở thông báo cho các thành viên Hội đồng chậm nhất 3 ngày làm việc trước khi tổ chức, với điều kiện là các thành viên Hội đồng có thể khước từ thông báo mời họp bằng văn bản và sự khước từ đó có thể có hiệu lực hồi tố. Thông báo về cuộc họp hội đồng được làm bằng văn bản và phải thông báo cả về chương trình họp, thời gian, địa điểm và phải được kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng và cả các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng không thể dự họp.

7. **Số thành viên tham dự tối thiểu:** Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư tổng số thành viên trở lên dự họp.

8. **Biểu quyết:**

a. Trừ quy định mục 8b Điều này, mỗi thành viên Hội đồng sẽ có một phiếu biểu quyết.

b. Một thành viên Hội đồng sẽ không được biểu quyết về các hợp đồng hoặc giao dịch hoặc đề xuất nào mà thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó có mâu thuẫn với lợi ích công ty. Thành viên này sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt tại cuộc họp về bất kỳ quyết nghị nào mà thành viên đó không có quyền biểu quyết.

c. Theo quy định tại Khoản 8b Điều này, trong cuộc họp của Hội đồng quản trị, nếu có bất kỳ vấn đề nào phát sinh liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên Hội đồng hoặc liên quan đến quyền biểu quyết của bất kỳ thành viên nào mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên đó, thì những vấn đề đó sẽ được chuyển tới chủ tọa của cuộc họp và phán quyết của chủ tọa liên quan tới tất cả các thành viên Hội đồng khác sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên hội đồng liên quan chưa được công bố một cách thích đáng.

d. Bất kỳ thành viên Hội đồng nào hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điều 162.2 của Luật Doanh nghiệp sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.

9. **Tuyên bố lợi ích:** Một thành viên Hội đồng mà bằng cách này hay cách khác, trực tiếp hay gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến với công ty sẽ phải tuyên bố bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này nếu khi đó thành viên này đã biết mình có lợi ích trong đó. Hoặc thành viên này có thể

tuyên bố điều đó tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.

10. Biểu quyết đa số: Hội đồng quản trị thông qua các nghị quyết và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng có mặt (trên 50%). Nếu số phiếu tán thành và không tán thành ngang bằng nhau, Chủ tịch sẽ là người có lá phiếu quyết định.

11. Việc bỏ phiếu của người vắng mặt: Thành viên Hội đồng quản trị vắng mặt có thể biểu quyết về nghị quyết của hội đồng bằng phương thức bỏ phiếu bằng văn bản. Những phiếu bằng văn bản này phải được chuyển tới Chủ tịch hoặc không gửi được cho Chủ tịch thì cho Thư ký không muộn hơn 1 tiếng đồng hồ trước khi thời gian dự kiến họp.

12. Hợp trên điện thoại hoặc các hình thức khác: Một cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị mà tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a. Nghe từng thành viên Hội đồng khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b. Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp, qua điện thoại hoặc bằng phương tiện thông tin khác (cho dù là đã được sử dụng vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này mới được sử dụng) hoặc là kết hợp tất cả những phương tiện này. Theo điều lệ này, mỗi thành viên hội đồng tham gia họp trong một cuộc họp như vậy được coi là "có mặt" tại cuộc họp đó. Một cuộc họp được tổ chức theo quy định này được coi là diễn ra tại địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đồng nhất tập họp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy thì địa điểm mà chủ tọa cuộc họp hiện diện sẽ được coi là địa điểm tổ chức cuộc họp.

Các nghị quyết được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của mọi thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

13. Nghị quyết bằng văn bản: Nghị quyết bằng văn bản phải được ký bởi tất cả những thành viên Hội đồng sau đây :

a. Những thành viên có quyền biểu quyết về nghị quyết tại cuộc họp Hội đồng;

b. Số lượng những thành viên có mặt không thấp hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định để tiến hành họp Hội đồng.

Loại nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như là một nghị quyết được các thành viên hội đồng thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức như thường lệ. Nghị quyết có thể được thông qua bằng cách sử dụng nhiều bản sao của cùng một văn bản nếu mỗi bản sao đó được một thành viên trở lên ký.

14. Biên bản cuộc họp: Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản cuộc họp của Hội đồng cho các thành viên và những biên bản đó được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn 10 ngày kể từ khi chuyển đi. Các biên bản được lập bằng tiếng Việt và phải được ký bởi tất cả các thành viên Hội đồng tham dự

cuộc họp.

15. *Những người được mời dự họp:* Thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành không phải là thành viên Hội đồng quản trị có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

Chương VIII

TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH, NHỮNG CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THU KÝ CÔNG TY

Điều 25. Tổ chức bộ máy quản lý.

Công ty sẽ ban hành một hệ thống quản lý mà theo đó bộ máy quản lý sẽ chịu trách nhiệm và nằm dưới sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị.

Công ty có một Tổng giám đốc điều hành, giúp việc Tổng giám đốc có các Phó Tổng giám đốc và một Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Tổng giám đốc điều hành và các Phó Tổng giám đốc có thể đồng thời cũng là thành viên Hội đồng quản trị và do Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc bãi miễn theo một nghị quyết được thông qua một cách hợp thức.

Điều 26. Cán bộ quản lý.

1. Theo đề nghị của Tổng giám đốc điều hành và sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty sẽ có một số lượng nhất định và các loại cán bộ quản lý cần thiết thích hợp để thực hiện các cơ cấu và thông lệ quản lý công ty do Hội đồng quản trị đề xuất tùy từng thời điểm nhằm đạt được các mục tiêu đề ra.

2. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc điều hành, các Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng của những cán bộ quản lý khác sẽ do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc điều hành.

Điều 27. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc điều hành.

1. *Bổ nhiệm:* Hội đồng quản trị sẽ bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc một người khác làm Tổng giám đốc điều hành và sẽ ký hợp đồng quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng giám đốc điều hành phải được báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong báo cáo thường niên của công ty. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể đồng thời giữ chức Tổng giám đốc điều hành.

2. *Nhiệm kỳ:* Căn cứ theo Điều 23 Tổng giám đốc điều hành có thể không phải là Chủ tịch hội đồng quản trị. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc điều hành là 5 năm. Việc tái bổ nhiệm được phép thực hiện. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tiêu chuẩn lựa chọn Tổng giám đốc điều hành cần có đủ các điều kiện sau:

a. Có trình độ quản lý kinh doanh xây dựng và nhà ở; có ít nhất 5 năm công tác trong ngành nghề kinh doanh của công ty; có đủ kiến thức và kinh nghiệm quản lý công ty; hiểu biết pháp luật;

b. Không thuộc các đối tượng: công chức, viên chức tại chức trong bộ máy nhà nước, sĩ quan đang tại ngũ trong lực lượng vũ trang nhân dân; người vị thành niên, người không đủ năng lực hành vi, người đã bị kết án tù, người đang thi hành hình phạt tù và người đã bị phán quyết là đã làm cho công ty mà họ từng lãnh đạo trước đây bị phá sản;

c. Không được đồng thời làm Giám đốc hoặc Tổng giám đốc của doanh nghiệp khác.

3. Quyền hạn và nhiệm vụ. Tổng giám đốc điều hành có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của công ty mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị;

b. Tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị;

c. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của công ty;

d. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty;

e. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

f. Quyết định tiền lương và quyền lợi khác đối với người lao động trong công ty kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;

g. Tuyển dụng lao động;

h. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

i. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết của Hội đồng quản trị.

4. Báo cáo lên Hội đồng quản trị và các cổ đông: Tổng giám đốc điều hành chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo cho những cơ quan này khi được yêu cầu.

5. Bãi nhiệm: Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng giám đốc điều hành với đa số thành viên Hội đồng biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một Tổng giám đốc mới thay thế.

Điều 28. Thư ký công ty.

Hội đồng quản trị sẽ chỉ định Thư ký công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của hội đồng. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký công ty vào bất kỳ thời điểm nào nhưng không trái với các quy định pháp luật về lao động hiện hành. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký công ty bao gồm:

a. Tổ chức các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo lệnh của Chủ tịch hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

b. Làm biên bản các cuộc họp;

c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d. Cung cấp thông tin cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

Chương IX

NHIỆM VỤ ĐƯỢC ỦY THÁC CỦA CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ

Điều 29. Trách nhiệm cẩn trọng của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý.

Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý được ủy thác trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực và theo phương thức mà họ tin là vì lợi ích cao nhất của công ty và với mức độ cẩn trọng mà bất kỳ người thận trọng nào khác cũng cần phải có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

Điều 30. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý không được phép sử dụng vì mục đích cá nhân những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho công ty; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của bất kỳ tổ chức hoặc cá nhân nào khác.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị mọi lợi ích có thể gây xung đột mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác. Những đối tượng này có thể sử dụng những cơ hội đó khi các thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan đã quyết định không truy cứu vấn đề này.

3. Công ty không được phép cấp các khoản vay, bảo lãnh, hoặc tín dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành, cán bộ quản lý và gia đình của họ hoặc bất kỳ pháp nhân nào mà ở đó những người này có các lợi ích tài chính, trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

4. Theo Điều 162 của Luật Doanh nghiệp, một hợp đồng, giao dịch giữa công ty với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận: Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của công ty và những người có liên quan của họ; thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người có liên quan của họ, doanh nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 159 Luật Doanh nghiệp.

a. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty hoặc một tỉ lệ khác nhỏ hơn quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, người đại diện công ký hợp đồng phải thông báo các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định một thời hạn khác; thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết;

b. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị bằng và lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty hoặc một tỉ lệ khác nhỏ hơn quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, người đại

diện công ký hợp đồng phải thông báo Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết; hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại tán thành, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định khác.

5. Không một thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành, một cán bộ quản lý hay người có liên quan nào của họ được phép mua hay bán hoặc giao dịch theo bất cứ hình thức nào khác các cổ phiếu của công ty hoặc công ty con của công ty vào bất cứ thời điểm nào, khi mà họ có được những thông tin chắc chắn sẽ gây ảnh hưởng đến giá những cổ phiếu đó và các cổ đông khác lại không biết những thông tin này.

Điều 31. Trách nhiệm và bồi thường.

1. **Trách nhiệm:** Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý vi phạm nghĩa vụ hành động một cách trung thực, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự cẩn trọng, mẫn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. **Bồi thường:** Công ty sẽ bồi thường cho những người đã, đang và có nguy cơ trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố đã, đang hoặc có thể sẽ được tiến hành cho dù đây là vụ việc dân sự, hành chính (mà không phải là việc kiện tụng do công ty thực hiện hay thuộc quyền khởi xướng của công ty) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc đại diện được ủy quyền của công ty (hay công ty con của công ty), hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của công ty (hay công ty con của công ty) với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý hoặc đại diện được ủy quyền của một công ty, đối tác, liên doanh, tín thác hoặc pháp nhân khác. Những chi phí được bồi thường bao gồm: các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép, với điều kiện là người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán và với năng lực chuyên môn theo phương thức mà người đó tin tưởng rằng đó là vì lợi ích cao nhất của công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có sự phát hiện hay xác nhận nào rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.

Chương X BAN KIỂM SOÁT

Điều 32. Bổ nhiệm Ban Kiểm soát.

1. Công ty phải có Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát sẽ có quyền hạn và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 165 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và nghĩa vụ sau đây:

a. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty;

b. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản

lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;

c. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và 06 tháng của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng cổ đông;

d. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của công ty;

e. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 114 của Luật Doanh nghiệp;

f. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 114 của Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại điểm này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của công ty;

g. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của công ty;

h. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc vi phạm quy định tại Điều 160 của Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;

i. Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của công ty;

j. Có quyền sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao;

k. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;

l. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

2. Cổ đông đề cử vào Ban kiểm soát phải hội đủ điều kiện và tiêu chuẩn sau:

a. Mỗi cổ đông nắm giữ trên 10% cổ phần có quyền biểu quyết trong khoảng thời gian từ 6 tháng liên tiếp trở lên, có quyền đề cử 1 ứng cử viên vào Ban kiểm soát;

b. Những cổ đông nắm giữ ít hơn 10% cổ phần có quyền biểu quyết trong khoảng thời gian 6 tháng liên tục trở lên có thể tập hợp số cổ phần có quyền biểu quyết với nhau để đề cử các ứng cử viên vào Ban kiểm soát. Nếu tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của họ nằm trong khoảng từ 10% đến dưới 30% thì họ được phép đề cử 1 người; nếu từ 30% đến dưới 50% họ được đề cử 2 người; từ 50% đến dưới 70% được đề cử 3

người và trên 70% được đề cử 4 người. Tiêu chuẩn để lựa chọn kiểm soát viên:

- Kiểm soát viên không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty, có trình độ am hiểu nghiệp vụ kinh doanh của công ty, kiểm soát viên phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên;

- Kiểm soát viên không được giữ các chức vụ quản lý công ty.

3. Thành viên của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát và Thư ký công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao chụp các thông tin tài liệu chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị và bản sao các biên bản họp Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị. Thành viên Ban kiểm soát không được tiết lộ bí mật của công ty.

4. Ban kiểm soát có 3 thành viên, kiểm soát viên phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên. Việc bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu. Ban kiểm soát phải bầu một thành viên của Ban làm Trưởng ban. Trưởng Ban kiểm soát có các quyền và nhiệm vụ sau:

- a. Lập chương trình kế hoạch của Ban kiểm soát, triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát và hoạt động với tư cách là Chủ tịch Ban kiểm soát;

- b. Yêu cầu công ty cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo các thành viên của Ban kiểm soát;

- c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình lên Đại hội đồng cổ đông.

5. Tổng mức thù lao cho các thành viên Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông quyết định và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông về những sai phạm của mình trong quá trình thực hiện nhiệm vụ gây thiệt hại cho công ty. Thành viên của Ban kiểm soát cũng được thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các khoản chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc liên quan đến hoạt động kinh doanh của công ty.

6. Sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp và cách thức hoạt động của Ban nhưng không được họp ít hơn 4 lần mỗi năm và số thành viên tối thiểu phải có trong các cuộc họp là 2 người.

7. Các thành viên của Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bổ nhiệm, có nhiệm kỳ năm năm (trong trường hợp vào thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Ban Kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nhiệm vụ cho đến khi Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ) và có thể được bầu lại vào kỳ Đại hội đồng cổ đông tiếp theo đó.

8. Một thành viên Ban kiểm soát không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau:

- a. Thành viên đó bị pháp luật cấm làm thành viên Ban kiểm soát;

- b. Thành viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính cho công ty;

- c. Thành viên đó bị ảnh hưởng của sự rối loạn tâm thần và các thành viên khác của

Ban kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn có năng lực hành vi;

d. Thành viên đó vắng mặt liên tục trong vòng 6 tháng không tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát trong thời gian đó mà không được phép của Ban kiểm soát và Ban kiểm soát quyết nghị rằng vị trí người đó bị bỏ trống;

e. Ngoài các trường hợp trên, thành viên Ban kiểm soát không còn tư cách bất cứ khi nào theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

f. Thời gian chấm dứt tư cách thành viên Ban kiểm soát công ty của Người đại diện vốn của SCIC: *"kể từ thời điểm chấm dứt tư cách theo quy định của cổ đông Nhà nước"*.

Chương XI QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 33. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ.

1. Mọi cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập trong Điều 21.3b và 32.2b đều có quyền, trực tiếp gửi một văn bản yêu cầu được kiểm tra trong giờ làm việc và tại Văn phòng của công ty danh sách các cổ đông, các biên bản của Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

3. Công ty phải lưu giữ Điều lệ khi thành lập, Điều lệ sửa đổi bổ sung này và những bản sửa đổi bổ sung, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính của công ty.

4. Mọi cổ đông đều có quyền được công ty cấp một bản Điều lệ công ty miễn phí.

Chương XII CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 34. Công nhân viên và Công đoàn.

Tổng giám đốc điều hành phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua về các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, lao động, buộc thôi việc, lương bổng, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với cán bộ quản lý và người lao động cũng như những mối quan hệ của công ty với tổ chức công đoàn được công nhận theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các Quy chế của công ty và pháp luật.

Chương XIII PHÂN CHIA LỢI NHUẬN

Điều 35. Cổ tức.

1. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và theo quy định của pháp luật, cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận giữ lại của công ty nhưng không được vượt quá mức do Hội đồng quản trị đề xuất sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.

2. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của công ty.

3. Trừ trường hợp có các quyền đi kèm theo bất kỳ cổ phần nào hoặc các điều khoản phát hành cổ phiếu đó có quy định khác đi, mức cổ tức (có tính đến những cổ phiếu chưa được thanh toán hết trong thời gian cổ tức được chi trả) được chi trả theo tỷ lệ tương ứng với khoản tiền đã thanh toán cho việc mua cổ phiếu đó trong giai đoạn chi trả cổ tức.

4. Công ty sẽ không trả lãi cho bất cứ một khoản cổ tức hay khoản tiền nào khác có thể được chi trả liên quan đến một cổ phiếu.

5. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc từng phần cổ tức bằng những tài sản cụ thể (có thể bằng các cổ phiếu hoặc trái phiếu đã được thanh toán hết tiền mua do công ty khác phát hành) và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi nghị quyết này.

6. Cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một cổ phiếu nếu được chi trả bằng tiền mặt phải được thực hiện bằng tiền đồng Việt Nam và có thể được thanh toán bằng séc hoặc bằng lệnh trả tiền gửi qua bưu điện tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông thụ hưởng và nếu có rủi ro phát sinh thì cổ đông đó phải chịu. Ngoài ra, mọi khoản cổ tức hoặc các khoản tiền khác được chi trả bằng tiền mặt liên quan tới một cổ phiếu có thể được thực hiện bằng chuyển khoản ngân hàng khi công ty đã có thông tin chi tiết về ngân hàng của cổ đông nhằm cho phép công ty thực hiện được việc chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản ngân hàng của cổ đông. Nếu công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp thì công ty không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ khoản tiền nào được công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng mà cổ đông đó không nhận được.

7. Nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, Hội đồng quản trị có thể quyết định và thông báo rằng những người sở hữu cổ phần phổ thông được quyền lựa chọn để nhận cổ tức bằng các cổ phần phổ thông thay cho cổ tức bằng tiền mặt. Những cổ phần bổ sung này được ghi là những cổ phần đã thanh toán hết tiền mua trên cơ sở giá trị của các cổ phần phổ thông bổ sung thay thế cho khoản cổ tức tiền mặt phải tương đương với số tiền mặt của cổ tức theo sự tính toán sát thực nhất.

8. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết của mình quy định ngày cụ thể (ngày khóa sổ) làm ngày khóa sổ hoạt động kinh doanh của công ty mà theo đó những người đăng ký với tư cách cổ đông được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân chia lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác. Ngày khóa sổ này có thể cùng ngày hoặc vào bất cứ thời điểm nào trước khi việc nhận các quyền lợi đó được thực hiện. Điều này không ảnh hưởng tới quyền lợi của hai bên trong giao dịch chuyển nhượng cổ phiếu hoặc chứng khoán liên quan.

Chương XIV

TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN

Điều 36. Tài khoản Ngân hàng.

1. Công ty được mở tài khoản tại kho bạc Nhà nước, các Ngân hàng trong nước, các Ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, công ty có thể mở tài khoản Ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật, nếu cần thiết.
3. Công ty sẽ tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các Ngân hàng mà công ty mở tài khoản.

Điều 37. Quỹ Dự trữ bổ sung vốn điều lệ.

Hàng năm, công ty sẽ phải trích từ lợi nhuận sau thuế một khoản tiền vào quỹ dự trữ để bổ sung vốn điều lệ theo quy định của pháp luật. Khoản trích này không được vượt quá 5% lợi nhuận sau thuế của công ty và được trích cho đến khi quỹ dự trữ bằng 10% vốn điều lệ của công ty.

Điều 38. Năm tài khóa.

Năm tài khóa của công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng một hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng mười hai cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng mười hai ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đó.

Điều 39. Hệ thống kế toán.

1. Hệ thống kế toán công ty sử dụng là hệ thống kế toán Việt Nam.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty sẽ lưu trữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà công ty tham gia. Những hồ sơ này phải được chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ chứng minh và giải trình các giao dịch của công ty.
3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.
4. Công ty thực hiện việc hạch toán kế toán theo đúng Luật Kế toán hiện hành.

Chương XV

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG

Điều 40. Báo cáo hàng năm.

1. Tại thời điểm kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải chuẩn bị các báo cáo và tài liệu sau đây:
 - a. Báo cáo kết quả kinh doanh của công ty;
 - b. Báo cáo tài chính;

c. Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành công ty.

2. Báo cáo tài chính hàng năm của công ty phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 42 Điều lệ này trước khi trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

3. Các báo cáo và tài liệu quy định tại Khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông.

4. Báo cáo và tài liệu do Hội đồng quản trị chuẩn bị; báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải có ở trụ sở chính của công ty chậm nhất 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 41. Công bố thông tin và Thông báo ra công chúng.

Các báo cáo tài chính hàng năm và các tài liệu cần thiết khác phải được công bố cho các cổ đông và nộp cho cơ quan thuế và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp.

Chương XVI KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 42. Kiểm toán.

1. Tại Đại hội đồng cổ đông hàng năm, một công ty kiểm toán độc lập được phép hoạt động hợp pháp tại Việt Nam sẽ được chỉ định để tiến hành kiểm toán công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị. Đối với năm tài chính đầu tiên, Hội đồng quản trị sẽ chỉ định một công ty kiểm toán để tiến hành các hoạt động kiểm toán công ty sau khi được cấp Giấy Đăng ký kinh doanh.

2. Công ty sẽ phải chuẩn bị và gửi báo cáo kế toán hàng năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc mỗi năm tài chính.

3. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về kế toán hàng năm cho biết các khoản thu chi của công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng 3 tháng kể từ ngày kết thúc mỗi năm tài chính.

4. Một bản sao của Báo cáo kiểm toán phải được gửi đính kèm với mỗi bản báo cáo kế toán hàng năm của công ty.

5. Kiểm toán viên thực hiện kiểm toán công ty được phép tham dự mọi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà mọi cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại Đại hội về các vấn đề liên quan đến kiểm toán.

Chương XVII CON DẤU

Điều 43. Con dấu.

1. Hội đồng quản trị sẽ thông qua một con dấu chính thức của công ty và con dấu được khắc theo quy định của pháp luật.

2. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Mọi sự ủy quyền, ủy nhiệm có liên quan tới con dấu công ty đều phải thực hiện bằng văn bản.

Chương XVIII CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 44. Các trường hợp và điều kiện giải thể doanh nghiệp.

1. Doanh nghiệp bị giải thể trong những trường hợp sau đây:

a. Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ công ty mà không có quyết định gia hạn;

b. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c. Công ty không còn đủ số lượng thành viên Hội đồng quản trị tối thiểu theo quy định của Luật Doanh nghiệp trong thời hạn sáu tháng liên tục;

d. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

2. Doanh nghiệp chỉ được giải thể khi bảo đảm thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.

Điều 45. Gia hạn hoạt động.

1. Hội đồng quản trị sẽ tập họp Đại hội cổ đông ít nhất 7 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của công ty theo một thời gian theo đề nghị của Hội đồng quản trị.

2. Thời hạn hoạt động sẽ được gia hạn thêm nếu số cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết có mặt trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua ủy quyền bỏ phiếu tán thành việc gia hạn.

Điều 46. Thanh lý.

1. Ít nhất 6 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của công ty hoặc sau khi có một quyết định giải thể công ty, Hội đồng quản trị sẽ phải thành lập Ban thanh lý gồm 3 thành viên. 02 thành viên trong đó do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày được thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự như sau:

a. Các chi phí thanh lý;

b. Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên;

- c. Thuế và các khoản nộp có tính chất thuế mà công ty phải trả cho nhà nước;
- d. Các khoản vay (nếu có);
- e. Các khoản nợ khác của công ty;
- f. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán mọi khoản nợ từ mục (a) đến mục (e) sẽ được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi sẽ ưu tiên được thanh toán trước.

Chương XIX

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 47. Giải quyết tranh chấp nội bộ.

1. Khi phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của công ty hay tới quyền của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật Doanh nghiệp hay các Luật khác hoặc các quy định hành chính quy định, giữa:

- a. Một cổ đông hay các cổ đông với công ty;
- b. Một cổ đông hay các cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay cán bộ quản lý.

Thì các bên sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch hội đồng quản trị, Chủ tịch hội đồng quản trị sẽ chủ trì giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu mỗi bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Nếu tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Nếu không có quyết định hòa giải nào đạt được trong vòng 6 tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Tòa án.

3. Mỗi bên tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Các chi phí của Tòa án sẽ do Tòa phán quyết bên nào phải chịu.

Chương XX

SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 48. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ.

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong những trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của công ty.

Chương XXI

NGÀY HIỆU LỰC

Điều 49. Ngày hiệu lực.

1. Bản Điều lệ sửa đổi bổ sung này gồm XXI Chương 50 Điều, được Đại hội đồng cổ đông nhiệm kỳ 2015- 2019 nhất trí thông qua ngày 22 tháng 8 năm 2015 tại Hội trường Công ty Cổ phần Địa ốc Vĩnh Long, có giá trị thay thế Điều lệ sửa đổi bổ sung do Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 thông qua ngày 28 tháng 6 năm 2013.

2. Điều lệ sửa đổi bổ sung được lập thành 10 bản có giá trị như nhau, trong đó:

2.1. (05 bản) Đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

2.2. (05 bản) Lưu trữ tại văn phòng công ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của công ty.

4. Các bản sao chụp hoặc trích lục Điều lệ công ty phải có chữ ký của Chủ tịch hội đồng quản trị mới có giá trị.

Điều 50.

Chữ ký của người đại diện theo pháp luật của công ty:

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC VĨNH LONG



Dương Minh Trung

SAO Y BẢN CHÍNH SỐ:.....
Vĩnh Long, ngày.....tháng.....năm.....

CTY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC VĨNH LONG

TL TỔNG GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG PHÒNG TC-HÀNH CHÁNH



Nguyễn Trung Hậu

SAO Y BAN CHINH SOI
HUYEN SOI
CITY SOI
HUYEN SOI
HUYEN SOI
HUYEN SOI
HUYEN SOI
HUYEN SOI
HUYEN SOI
HUYEN SOI

SAO Y BAN CHINH SOI

MỤC LỤC

Phân mở đầu	1
Chương I Định nghĩa các thuật ngữ trong điều lệ	1
Điều 1. Các định nghĩa	1
Chương II Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, VP đại diện và TG hoạt động	2
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, VP đại diện, TG hoạt động...	2
Chương III Mục tiêu, Phạm vi kinh doanh và hoạt động của công ty	3
Điều 3. Mục tiêu của công ty	3
Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động	4
Điều 5. Tổ chức Đảng CS Việt Nam và các tổ chức chính trị khác	4
Chương IV Vốn Điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập	4
Điều 6. Vốn Điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập	4
Điều 7. Chứng chỉ cổ phiếu	5
Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần	6
Điều 9. Thu hồi cổ phần	6
Chương V Cơ cấu tổ chức, quản lý và kiểm soát	7
Điều 10. Cơ cấu tổ chức quản lý	7
Chương VI Cổ đông và Đại hội đồng cổ đông	7
Điều 11. Quyền hạn của cổ đông công ty	7
Điều 12. Nghĩa vụ của các cổ đông	8
Điều 13. Những hạn chế đối với các cổ đông	8
Điều 14. Đại hội đồng cổ đông	9
Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông	10
Điều 16. Các Đại diện được ủy quyền	11
Điều 17. Thay đổi các quyền	12
Điều 18. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông	12
Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông và lập biên bản Đại hội đồng cổ đông	13
Điều 20. Phê chuẩn các Nghị quyết thông qua hình thức gọi văn bản	14
Chương VII Hội đồng quản trị	16
Điều 21. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị	16
Điều 22. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị	17
Điều 23. Chủ tịch, Phó chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị	20
Điều 24. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị	20
Chương VIII TGD điều hành, những CB quản lý khác và Thư ký công ty	23
Điều 25. Tổ chức bộ máy quản lý	23
Điều 26. Cán bộ quản lý	23
Điều 27. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc điều hành	23
Điều 28. Thư ký công ty	24
Chương IX Nhiệm vụ được ủy thác của các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý	25
Điều 29. Trách nhiệm cần trọng của các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý	25
Điều 30. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	25
Điều 31. Trách nhiệm và bồi thường	26
Chương X Ban Kiểm soát	26
Điều 32. Bổ nhiệm Ban Kiểm soát	26

Chương XI	Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ công ty	29
	Điều 33. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ	29
Chương XII	Công nhân viên và Công đoàn	29
	Điều 34. Công nhân viên và Công đoàn	29
Chương XIII	Phân chia lợi nhuận	29
	Điều 35. Cổ tức	29
Chương XIV	Tài khoản Ngân hàng, quỹ dự trữ, năm tài chính và hệ thống kế toán	31
	Điều 36. Tài khoản Ngân hàng	31
	Điều 37. Quỹ dự trữ bổ sung vốn Điều lệ	31
	Điều 38. Năm tài khóa	31
	Điều 39. Hệ thống kế toán	31
Chương XV	Báo cáo thường niên, trách nhiệm công bố thông tin, thông báo ra công chúng	31
	Điều 40. Báo cáo hàng năm	31
	Điều 41. Công bố thông tin và thông báo ra công chúng.....	32
Chương XVI	Kiểm toán Công ty	32
	Điều 42. Kiểm toán	32
Chương XVII	Con dấu	32
	Điều 43. Con dấu	32
Chương XVIII	Chấm dứt hoạt động và thanh lý	33
	Điều 44. Các trường hợp và điều kiện giải thể doanh nghiệp	33
	Điều 45. Gia hạn hoạt động	33
	Điều 46. Thanh lý	33
Chương XIX	Giải quyết tranh chấp nội bộ	34
	Điều 47. Giải quyết tranh chấp nội bộ	34
Chương XX	Sửa đổi Điều lệ	34
	Điều 48. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ	34
Chương XXI	Ngày hiệu lực	34
	Điều 49. Ngày hiệu lực	35
	Điều 50. Chữ ký của người đại diện theo pháp luật	35

